

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 217/2025/HC-PT

Ngày 27/3/2025

“V/v Khiếu kiện QĐHC, hành vi trong
lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;

Ông Ong Thân Thắng.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hoài – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh P, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm là trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử công khai, trực tuyến vụ án hành chính thụ lý số 9388/2025/TLPT-HC ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc “Khiếu kiện QĐHC, hành vi trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2024/HC-ST ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2626/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

* **Người khởi kiện:** Ông Phan Ngọc L, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn F, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên (Hộ ông Phan Văn L1). Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Mai N, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ A phường N, quận L, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

* **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên, vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên, vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên, vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Công ty Cổ phần T; địa chỉ: Khu đô thị T - xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên., vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Bà Phan Thị C, sinh năm 1966; ông Phan Ngọc Đ, sinh năm 1986 và ông Phan Đức C1, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn F, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên, vắng mặt, có lời khai tại hồ sơ đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt các ông bà và đã có Văn bản thoả thuận, uỷ quyền cho ông Phan Ngọc L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, ông Phan Ngọc L- người khởi kiện và người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày:

Theo Biên bản giao đất cho các hộ gia đình năm 1998 thể hiện, các thành viên hộ gia đình ông Phan Ngọc L được nhà nước giao đất nông nghiệp để phục vụ sản xuất và hộ gia đình ông L sử dụng đất ổn định, đúng mục đích.

Ngày 24/4/2012, Chủ tịch UBND huyện V đã chỉ đạo, tổ chức cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình ông L tại địa bàn xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên để giao cho Công ty cổ phần T làm dự án xây dựng.

Ông Phan Ngọc L cho rằng hành vi chỉ đạo tổ chức cưỡng chế thu hồi đất nêu trên của Chủ tịch UBND huyện V đã vi phạm các quy định của pháp luật đất đai, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Do đó, ông Phan Ngọc L yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi cưỡng chế thu hồi đất ngày 24/4/2012 của Chủ tịch UBND huyện V là trái pháp luật; yêu cầu Công ty cổ phần T ngừng ngay hoạt động thi công và hoàn trả tài sản đất đai đã được bàn giao do hành vi cưỡng chế ngày 24/4/2012 của Chủ tịch UBND huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người bị kiện- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên trình bày tại Công văn số 501/UBND-TNMT ngày 09/5/2024 (BL 264):

- Về chủ trương đầu tư.

Dự án Khu đô thị T được triển khai theo Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 30/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu hồi 5.540.712m² đất tại các xã X, P, C, L, T, thị trấn V thuộc huyện V; các xã H, Y, Y thuộc huyện Y và các xã Đ, T, D thuộc huyện K, tỉnh Hưng Yên; giao toàn bộ diện tích đất thu hồi

cho Chủ đầu tư để thực hiện dự án xây dựng tuyến đường từ cầu T đi thị xã H đoạn từ huyện V đến xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng.

Ủy ban nhân dân tỉnh H đã ban hành Quyết định số 2549/QĐ-UB và Quyết định số 2550/QĐ-UB ngày 21/10/2004 để thực hiện việc thu hồi đất theo Quyết định nói trên của Chính phủ; ban hành Quyết định số 2006/QĐ-UB ngày 08/6/2005 về việc phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất, giao đất cho Công ty Cổ phần Đ1, để xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Đô thị -, địa phận xã X, huyện V.

- Về công tác giải phóng mặt bằng.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện V đã tiến hành kiểm kê, lập phương án trình UBND huyện V ban hành quyết định phê duyệt; tổ chức niêm yết công khai phương án bồi thường để người dân được biết và kiểm tra; tổ chức chi trả cho các hộ tự nguyện nhận tiền và bàn giao mặt bằng; chuyển tiền vào Ngân hàng đối với các hộ chưa nhận tiền.

Tổng số hộ gia đình đã nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và bàn giao mặt bằng tính đến trước thời điểm thực hiện việc cưỡng chế là 1560 hộ/1720 hộ; tổng số hộ gia đình còn lại không nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và không bàn giao mặt bằng tính đến trước thời điểm thực hiện cưỡng chế là 160 hộ, diện tích phải cưỡng chế khoảng 5,86 ha.

(Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, số hộ gia đình đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ là 1623 hộ/1720 hộ; số hộ gia đình chưa nhận tiền là 97 hộ, trong đó có hộ ông Phan Ngọc L).

Do một số hộ dân bị thu hồi đất không thực hiện quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền, cố tình không nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng, không di chuyển tài sản, cây cối hoa màu để bàn giao đất và không ký biên bản bàn giao đất nên UBND xã X đã lập biên bản vi phạm hành chính và đề nghị UBND huyện V xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 13/12/2011, Chủ tịch UBND huyện V đã ban hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hộ gia đình có vi phạm theo quy định tại Điều 39, Điều 40 Luật Đất đai 2003 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 17 Nghị định số 105/2009/NĐ - CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, trong đó có hộ ông Phan Ngọc L.

Ngày 05/4/2012, Chủ tịch UBND huyện V đã ban hành Quyết định về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng các biện pháp cưỡng chế khác để thi

hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với các hộ dân không chấp hành quyết định xử phạt, trong đó có hộ gia đình ông Phan Ngọc L. Biện pháp cưỡng chế là: Giải tỏa mặt bằng trên thực địa để bàn giao đất theo các Quyết định và Thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời gian thực hiện cưỡng chế: Từ ngày 20/4/2012.

Ngày 24/4/2012, UBND huyện V tổ chức thực hiện cưỡng chế ngoài thực địa; kết quả cưỡng chế được lập thành biên bản và gửi cho hộ gia đình nhưng hộ gia đình không hợp tác.

Căn cứ các quy định của pháp luật về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai; sau khi rà soát, đối chiếu với các văn bản thuộc hồ sơ cưỡng chế và trình tự các bước thực hiện cưỡng chế nêu trên, Chủ tịch UBND huyện tổ chức cưỡng chế thu hồi đất ngày 24/4/2012 đối với người khởi kiện là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- UBND huyện V, tỉnh Hưng Yên thống nhất quan điểm, đề nghị của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện V và không bổ sung nội dung gì khác.

- UBND xã X, huyện V có quan điểm xác định việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện V đối với hộ gia đình ông Phan Ngọc L đã bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật nên đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- Công ty T trình bày: Toàn bộ dự án của Công ty được nhà nước giao đất là đúng quy định của pháp luật, do đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc L.

- Các thành viên hộ gia đình ông Phan Ngọc L đều thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc L, không ai có ý kiến khác.

Giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án không tiến hành đối thoại được vì vắng mặt người bị kiện tại phiên đối thoại.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2024/HC-ST ngày 02/7/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã căn cứ Điều 30, Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 39, Điều 44 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 66, Điều 67 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính 2002; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **ông Phan Ngọc L** về việc yêu cầu Tòa án: Tuyên hành vi tổ chức thi hành quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng các biện pháp khác, ngày 24/4/2012 của Chủ tịch UBND huyện V đối với hộ gia đình ông (bà) là trái pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/7/2024, người khởi kiện là ông Phan Ngọc L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: ông Phan Ngọc L giữ nguyên nội dung khởi kiện, nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính bác kháng cáo của người khởi kiện – ông Phan Ngọc L, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 23/2024/HC-ST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Ngày 09/7/2024, ông Phan Ngọc L kháng cáo đối với toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2024/HC-ST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên là đúng thời hạn theo quy định tại Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện nhưng có mặt người khởi kiện; người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện V, UBND xã X, Công ty cổ phần T vắng mặt nhưng đã có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thành viên hộ gia đình người khởi kiện vắng mặt nhưng đã có lời khai tại hồ sơ thể hiện những người này đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và đã có văn bản thỏa thuận, ủy quyền cho người khởi kiện tham gia giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện cũng xác nhận những người trong hộ gia đình đều đã nhận được thông báo triệu tập của Tòa án nhưng đã ủy quyền cho người khởi kiện, nên không tham gia phiên tòa. Người khởi kiện đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện*: Tại phiên toà phúc thẩm, ông Phan Ngọc L trình bày giữ nguyên lời khai tại cấp sơ thẩm và xác định chỉ khởi kiện đối với hành vi cưỡng chế thu hồi đất ngày 24/4/2012 của Chủ tịch UBND huyện V và đề nghị Toà án buộc Công ty Cổ phần T1 việc thi công và trả lại quyền sử dụng đất cho người khởi kiện. Ông L xác định ông không khởi kiện đối với quyết định thu hồi đất, quyết định về phê duyệt phương án bồi thường, cũng như các quyết định khác liên quan đến Dự án Khu đô thị T.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: việc tổ chức cưỡng chế của Chủ tịch UBND huyện V là hành vi hành chính thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Luật Tổ tụng hành chính. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là đúng quy định pháp luật.

[5] Đối với yêu cầu của người khởi kiện về việc buộc Công ty Cổ phần T phải ngừng việc thi công và trả lại quyền sử dụng đất cho người khởi kiện, đây không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và không thuộc thẩm quyền theo loại việc của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 3 và khoản 1 Điều 30 Luật tổ tụng hành chính. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý, giải quyết là đúng quy định pháp luật.

[6] *Xét hành vi cưỡng chế thu hồi đất ngày 24/4/2012 của Chủ tịch UBND huyện V, thấy rằng*: Trên cơ sở Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 30/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 2549/QĐ-UB và 2550/QĐ-UB ngày 21/10/2004 của UBND tỉnh H về thu hồi đất; Quyết định số 2006/QĐ-UB ngày 8/6/2005 về việc phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất và các văn bản liên quan, UBND huyện V đã tiến hành việc thu hồi và bồi thường đất tại các xã X, P, C, L, T, thị trấn V thuộc huyện V để thực hiện Dự án Khu đô thị T.

[7] Sau khi tổ chức hội nghị họp dân, đối thoại để tuyên truyền, vận động, giải thích, thuyết phục các hộ dân ủng hộ dự án; phổ biến chính sách bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cùng các khoản hỗ trợ của Chủ đầu tư nhằm đảm bảo lợi ích cho người có đất bị thu hồi, nhưng một số người sử dụng đất trong đó có hộ gia đình ông Phan Ngọc L không tự giác chấp hành, không trả lại đất đúng thời hạn theo quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy, ngày 13/12/2011, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5536/QĐ-XPHC; ngày 05/4/2012, ban hành Quyết định số 650/QĐ-CCK về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Điều 4 Nghị định số 37/2005/NĐ-CP

ngày 18/3/2005 của Chính Phủ đối với hộ ông Phan Ngọc L. Sau đó, ngày 24/4/2012, Chủ tịch UBND huyện V tổ chức cưỡng chế thu hồi đất là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và thời hạn theo quy định tại Điều 39 của Luật Đất đai 2003; Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 9 Nghị định 37/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 của Chính phủ.

[8] Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Ngọc L, chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[9] Về án phí: Về án phí: ông Phan Ngọc L là người cao tuổi, nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 3/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của ông Phan Ngọc L.
2. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2024/HC-ST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.
3. Về án phí: Ông Phan Ngọc L được miễn án phí hành chính phúc thẩm.
4. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ong Thân Thắng

Nguyễn Tất Nam

Trần Thị Quỳnh

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Quỳnh

Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 3200/QĐ-UBND ngày 26/11/2008, BL 249, có Phan Văn B số 88, ko thấy Phan Ngọc L nhưng có Phan Văn L1 (bố đẻ Phan Ngọc L) số 16

QĐ số 2006/QĐ-Ubn ngày 08/6/2005 (BL 246) phê duyệt phương án bồi thường có Phan Văn B số 217

TRÍCH VĂN BẢN

CHÍNH PHỦ

Số: 105/2009/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2009

NGHỊ ĐỊNH

VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

CHÍNH PHỦ

Chương 2.

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC, MỨC XỬ PHẠT

Điều 17. Không trả lại đất đúng thời hạn theo quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Phạt tiền năm trăm nghìn (500.000) đồng đến hai triệu (2.000.000) đồng đối với hộ gia đình, cá nhân có hành vi không trả lại đất đúng thời hạn theo quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền một triệu (1.000.000) đồng đến mười triệu (10.000.000) đồng đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo có hành vi không trả lại đất đúng thời hạn theo quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37/2005/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH

CỦA CHÍNH PHỦ SỐ 37/2005/NĐ-CP NGÀY 18 THÁNG 3 NĂM 2005 QUY ĐỊNH THỦ TỤC ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP CƯỜNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 4. Thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế hành chính

Những người sau đây có thẩm quyền ra quyết định một trong các biện pháp cưỡng chế hành chính quy định tại Điều 2 của Nghị định này và có nhiệm vụ tổ chức việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt của mình và của cấp dưới:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh;
2. Trưởng công an cấp huyện, Giám đốc công an cấp tỉnh; Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy chữa cháy, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Q, nhập cảnh thuộc Bộ C2;
3. Trưởng Đ2, Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh; Cục trưởng Cục Cảnh sát biển;
4. Cục trưởng Cục Hải quan cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu thuộc T2;
5. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Cục trưởng Cục Kiểm lâm;

6. Chi cục trưởng Chi cục T3, Cục trưởng Cục T4;
7. Chi cục trưởng C3, Cục trưởng Cục Q1;
8. Chánh thanh tra chuyên ngành cấp Sở, Chánh Thanh tra chuyên ngành Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
9. Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa, Trưởng phòng thi hành án dân sự cấp tỉnh, Trưởng phòng thi hành án Quân khu và cấp tương đương.

Điều 6. Quyết định cưỡng chế hành chính

1. Việc cưỡng chế hành chính chỉ được thực hiện khi có quyết định cưỡng chế hành chính của người có thẩm quyền quy định tại Điều 4 của Nghị định này. Quyết định cưỡng chế hành chính bao gồm những nội dung sau: ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ (cấp bậc), đơn vị người ra quyết định; họ tên, nơi cư trú, trụ sở của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế; biện pháp cưỡng chế; thời gian, địa điểm thực hiện; cơ quan được giao chủ trì thực hiện quyết định cưỡng chế; cơ quan có trách nhiệm phối hợp; chữ ký của người ra quyết định, dấu của cơ quan ra quyết định.
 2. Quyết định cưỡng chế phải được gửi cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế trước khi thi hành. Quyết định cưỡng chế của Ủy ban nhân dân cấp dưới phải gửi cho Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp. Trường hợp cưỡng chế bằng biện pháp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 Nghị định này thì quyết định phải được gửi cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức cưỡng chế trước khi thi hành để phối hợp thực hiện.
- Quyết định cưỡng chế phải được gửi cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế, cá nhân, tổ chức có liên quan 5 ngày trước khi tiến hành cưỡng chế.

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế hành chính

1. Người đã ra quyết định cưỡng chế hành chính có nhiệm vụ tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế đó.
2. Đối với quyết định cưỡng chế hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân đã ra quyết định cưỡng chế căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chức năng thuộc Ủy ban nhân dân mà phân công cơ quan chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế. Việc phân công cơ quan chủ trì phải trên nguyên tắc vụ việc thuộc lĩnh vực chuyên môn của cơ quan nào thì giao cơ quan đó chủ trì; trong trường hợp vụ việc liên quan đến nhiều cơ quan thì tùy từng trường hợp cụ thể mà quyết định giao cho cơ quan chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế cho phù hợp.
3. Các tổ chức và cá nhân liên quan có nghĩa vụ phối hợp với người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế hoặc cơ quan được giao chủ trì tổ chức cưỡng chế triển khai các biện pháp nhằm thực hiện các quyết định cưỡng chế hành chính.